

V/v chia tài sản sau khi ly hôn.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH - TỈNH THÁI NGUYÊN

Nguyên. Quá trình chung sống vợ, chồng hòa thuận hạnh phúc một thời gian dài và có với nhau 04 người con chung. Mậu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2015 nên bà đã khởi kiện xin ly hôn ông Y và yêu cầu được chia tài sản chung theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án huyện Phú Bình hòa giải không thành nên đã đưa vụ án ra xét xử, tại bản án số 19/2016/LHST ngày 28/9/2016 của TAND huyện Phú Bình đã công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà C và ông Y, giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung và phân chia tài sản chung.

Sau đó bà C kháng cáo bản án yêu cầu được chia đất ở (đất thổ cư và vườn tạp) tại thửa đất số 562 diện tích 1360 m², tờ bản đồ số 14 xã U, huyện P. Tại bản án số 02/2017/HNGĐ-PT ngày 10/01/2017 của TAND tỉnh Thái Nguyên đã hủy bản án ly hôn sơ thẩm số 19/2016/LHST ngày 28/9/2016 về phần tài sản, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Phú Bình để giải quyết lại theo quy định Pháp luật.

Sau khi thụ lý lại vụ án (về chia tài sản sau khi ly hôn) theo thủ tục sơ thẩm, bà C vẫn yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng có được trong thời kỳ hôn nhân, trong đó có yêu cầu được chia thửa đất thổ cư số 562, tờ bản đồ số 14 xã U. Tuy nhiên trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bà C rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể không yêu cầu Tòa án giải quyết, phân chia thửa đất số 562, tờ bản đồ số 14 xã U.

Về phía bị đơn ông Dương Văn Y: Quá trình giải quyết vụ án ông Y không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 19/9/2017 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) theo quy định pháp luật. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được nên vụ án phải đưa ra xét xử sơ thẩm công khai tại phiên tòa theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định pháp luật. Đối với nguyên đơn tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70,71 của BLTTDS. Về phía bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án:

1. Đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Hà Thị C về yêu cầu được chia thửa đất số 562, tờ bản đồ 14 xã U, huyện P.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị C đối với ông Dương Văn Y về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn.

- Giao cho bà Hà Thị C được quyền sử dụng thửa đất số 250 tờ bản đồ số 22 và các thửa 358, 687 tờ bản đồ số 14.

- Giao cho ông Dương Văn Y được quyền sử dụng các thửa đất số 223, 702, 603, 781, 224 tờ bản đồ số 14. Ông Y còn được quyền sở hữu và sử dụng toàn bộ tài sản là nhà ở, các công trình phụ gắn liền với thửa đất số 562, tờ bản đồ 14.

- Ông Y phải có trách nhiệm tích chia và thanh toán về chênh lệch giá trị tài sản cho bà C một khoản tiền là 4.306.000 đồng. Bà C được quyền sở hữu, sử dụng số tiền nêu trên do ông Y có trách nhiệm thanh toán cho bà.

3. Về chi phí tố tụng khác: Ông Y có trách nhiệm hoàn trả cho bà C số tiền 850.000 đồng.

4. Các đương sự phải chịu một khoản án phí DSST sơ thẩm có giá ngạch sung quỹ Nhà nước theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án dân sự về: “Chia tài sản sau khi ly hôn”, bị đơn ông Dương Văn Y, có nơi cư trú tại Xóm N2, xã U, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Sau khi thụ lý lại vụ án, Tòa án đã **tiến hành tổng** đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo phiên họp **kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải**, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa cho ông Yến theo quy định của BLTTDS nhưng ông Yến đều vắng mặt, tại phiên tòa ông Yến vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Dương Văn Y theo quy định.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bà Hà Thị C rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể không yêu cầu được chia thửa đất số 562, tờ bản đồ 14 xã U, huyện P, chỉ yêu cầu được chia các tài sản chung khác theo quy định pháp luật. Xét yêu cầu của bà C là tự nguyện, không trái pháp luật phù hợp quy định tại điều 244 của BLTTDS, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của bà Hà Thị C.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự và các tài liệu chứng cứ, có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng nhận thấy:

Bà Hà Thị C và ông Dương Văn Y kết hôn với nhau từ năm 1984, quá trình chung sống, vợ chồng đã tạo dựng được một số tài sản chung gồm nhà ở và các công trình phụ gắn liền với thửa đất số 562, tờ bản đồ 14 xã U và một số thửa ruộng khác tại xã U và xã Đ. Nguồn gốc tài sản trên đất là do vợ chồng cùng xây dựng lên, đối với các thửa đất ruộng có nguồn gốc là bố mẹ ông Y tặng cho và nhận chuyển nhượng thêm. Đối với các thửa ruộng tại xã U, quá trình canh tác, sử dụng vợ chồng ông Y, bà C đã thực hiện nghĩa vụ đầy đủ với Nhà nước và đã được cấp quyền sử dụng đất theo quy định Luật đất đai, về thửa đất số 250, tờ bản đồ số 22 diện tích 940 m² tại xã Đ cũng sử dụng ổn định từ nhiều năm nay, hiện không có tranh chấp. Như vậy, tài sản chung của ông Dương Văn Y và bà Hà Thị C có được trong thời kỳ hôn nhân C phải phân chia theo quy định pháp luật gồm: nhà ở, công trình phụ trên thửa đất 562, tờ bản đồ số 14, 07 thửa ruộng tại xã U (đã được cấp GCNQSDĐ) và 01 thửa ruộng tại xã Đ (chưa được cấp GCNQSDĐ).

Về kết quả định giá: Theo biên bản định giá ngày 09/5/2016 của Hội đồng định giá thì tổng giá trị tài sản chung của ông Y và bà C có giá trị là **242.853.000** đồng.

Xét yêu cầu chia tài sản chung của bà Hà Thị C là có căn cứ, phù hợp quy định tại điều 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình, tại phiên tòa bà C yêu cầu được chia thửa đất tại xã Đ (hiện bà C đang quản lý, canh tác) và 1 số thửa đất ruộng khác tại xã U nên C được chấp nhận. Đối với tài sản là nhà ở, công trình phụ trên thửa đất 562, tờ bản đồ số 14 hiện ông Y đang quản lý, sử dụng, xét nên tiếp tục giao cho ông Y được quyền sở hữu, sử dụng những tài sản này. Đối với các thửa ruộng còn lại tại xã U, hiện ông Y đang quản lý, canh tác và cũng có nhu cầu và điều kiện trực tiếp canh tác nên C giao cho ông Y sở hữu sử dụng những thửa ruộng này.

[3] Về chi phí tố tụng khác: Các bên đương sự phải chịu chi phí định giá tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 165 của BLTTDS, do bà C đã tạm ứng nộp toàn bộ số tiền này nên được trừ vào số tiền đã tạm nộp, ông Y phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền chi phí định giá cho bà C.

[4] Về án phí: Bà C hiện có hoàn cảnh kinh tế khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận nên được giảm 50% mức án phí theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Y phải chịu một khoản án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điều 24, 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 165 các Điều 227, 228, 244, 271 và Điều 273 của BLTTDS; Điều 357 của Bộ luật dân sự, các Điều 59, 62 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 13, 24 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Hà Thị C về việc không yêu cầu phân chia thừa đất số 562, tờ bản đồ số 14 xã U, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

2. Chấp nhận đơn yêu cầu chia tài sản chung của bà Hà Thị C (tên gọi khác Dương Thị C) đối với ông Dương Văn Y. Chia tài sản chung của bà C và ông Y, cụ thể như sau:

2.1. Giao cho bà Hà Thị C được quyền sở hữu, sử dụng các thửa đất sau đây:

- Thửa đất số 358, tờ bản đồ 14 xã U, huyện P, diện tích 440m², giá trị 28.160.000 đồng;

- Thửa đất số 687, tờ bản đồ 14, xã U, diện tích 450m², giá trị 28.800.000 đồng;

- *. Tạm giao cho bà C quản lý, sử dụng thửa đất số 250, tờ bản đồ 22 xã Đ, diện tích 940m², giá trị 60.160.000 đồng;

Bà C có trách nhiệm làm thủ tục đăng ký kê khai để cấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 250, tờ bản đồ 22 xã Đ theo quy định của Luật đất đai.

- Bà Hà Thị C được quyền sở hữu, sử dụng số tiền **4.306.000** đồng (Bốn triệu ba trăm linh sáu nghìn đồng) do ông Dương Văn Y có trách nhiệm thanh toán do chênh lệch giá trị tài sản chung.

Tổng giá trị tài sản bà Hà Thị C được chia là **121.426.000đ** (Một trăm hai mươi mốt triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng) .

2.2. Giao cho ông Dương Văn Y được quyền sở hữu, sử dụng các thửa đất sau đây:

- Thửa đất số 223, tờ bản đồ 14 xã U, huyện P, diện tích 140 m², giá trị 8.960.000 đồng;

- Thửa đất số 702, tờ bản đồ 14, xã U, diện tích 190 m², giá trị 12.160.000 đồng;

- Thửa đất số 7603, tờ bản đồ 14, xã U, diện tích 110 m², giá trị 7.040.000 đồng;

- Thửa đất số 781, tờ bản đồ 14, xã U, diện tích 170 m², giá trị 10.880.000 đồng;

- Thửa đất số 224, tờ bản đồ 14, xã U, diện tích 120 m², giá trị 7.680.000 đồng;

- *. Giao cho ông Y được quyền sở hữu và sử dụng toàn bộ tài sản là nhà ở, bếp chuồng trại, nhà tắm gắn liền với thửa đất số 562, tờ bản đồ địa chính số 14 xã U có tổng giá trị là 79.013.000 đồng.

- Ông Dương Văn Y phải có trách nhiệm trích chia về chênh lệch giá trị tài sản cho bà Hà Thị C số tiền là 4.306.000 đồng (Bốn triệu ba trăm linh sáu nghìn đồng)

Tổng giá trị tài sản ông Dương Văn Y được chia là **121.427.000đ** (Một trăm hai mươi một triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

3. Về nghĩa vụ chịu chi phí định giá tài sản:

- Bà Hà Thị C phải chịu 850.000 đồng tiền chi phí định giá tài sản, được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí định giá đã nộp là 1.700.000 đồng (*Bà C đã thi hành xong*).

- Ông Dương Văn Y phải chịu 850.000 đồng chi phí định giá tài sản và phải có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền này cho bà C.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, nếu người thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Bà Hà Thị C phải chịu 3.035.000đ (Ba triệu không trăm ba mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung quỹ Nhà nước.

- Ông Dương Văn Y phải chịu 6.071.000đ (Sáu triệu không trăm bảy mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bà C (nguyên đơn) báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Dương Văn Y (bị đơn) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án này được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND, THADS huyện Phú Bình;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Toàn

